

Số: 327 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 04 tháng 02 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao 1.858,0 m² đất tại thị trấn Dương Minh Châu, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu để xây dựng trụ sở làm việc và xây dựng nhà kho chứa vật chứng.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2014 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất chi tiết 05 năm kỳ đầu (2011-2015) của thị trấn Dương Minh Châu, huyện Dương Minh Châu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 568 /TTr-STNMT ngày 01 tháng 02 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu 1.858,0 m² đất tại thị trấn Dương Minh Châu, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh để sử dụng vào mục đích xây dựng trụ sở làm việc và xây dựng nhà kho chứa vật chứng.

- Nguồn gốc đất:

+ Diện tích 1.000,0 m² đất đã được Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước ngày 24/12/2003 cho Đội Thi hành án huyện Dương Minh Châu (nay là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu) đang quản lý, sử dụng, chưa được UBND Tỉnh giao đất, cấp Giấy CNQSDĐ.

+ Diện tích còn lại 858 m² đất do UBND huyện Dương Minh Châu quản lý.

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Bản trích đo chính lý bản đồ địa chính số 11/SĐ-TĐCL do Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 19 tháng 01 năm 2016 và được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Dương Minh Châu, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, Văn phòng UBND Tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ địa chính cấp tỉnh và cấp huyện theo quy định.
- Cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu sau khi thực hiện xong nghĩa vụ tài chính theo đúng quy định.

2. UBND huyện Dương Minh Châu có trách nhiệm:

- Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường trực thuộc chủ trì, phối hợp với UBND thị trấn Dương Minh Châu và các đơn vị có liên quan xác định cụ thể ranh giới, mốc giới để bàn giao đất tại thực địa cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu (Biên bản bàn giao gửi về Chi cục Quản lý Đất đai – Sở TN&MT để lưu hồ sơ); chỉ đạo UBND thị trấn Dương Minh Châu chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

- Tổ chức thanh lý cây ăn quả trên đất trước khi bàn giao đất cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu.

- Bổ sung công trình này vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Dương Minh Châu.

3. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu có trách nhiệm sử dụng đất đúng ranh giới, diện tích, mục đích theo quy định của Luật Đất đai.

4. Văn phòng UBND Tỉnh có trách nhiệm đăng Quyết định này trên trang thông tin điện tử của Tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Dương Minh Châu, Chủ tịch UBND thị trấn Dương Minh Châu, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu và Thủ trưởng Sở, Ban, Ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3 (t/h);
- TTTH (đăng Website);
- Lưu: Văn thư, CVKT2.

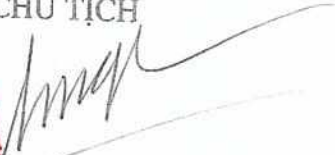
12

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K.T. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

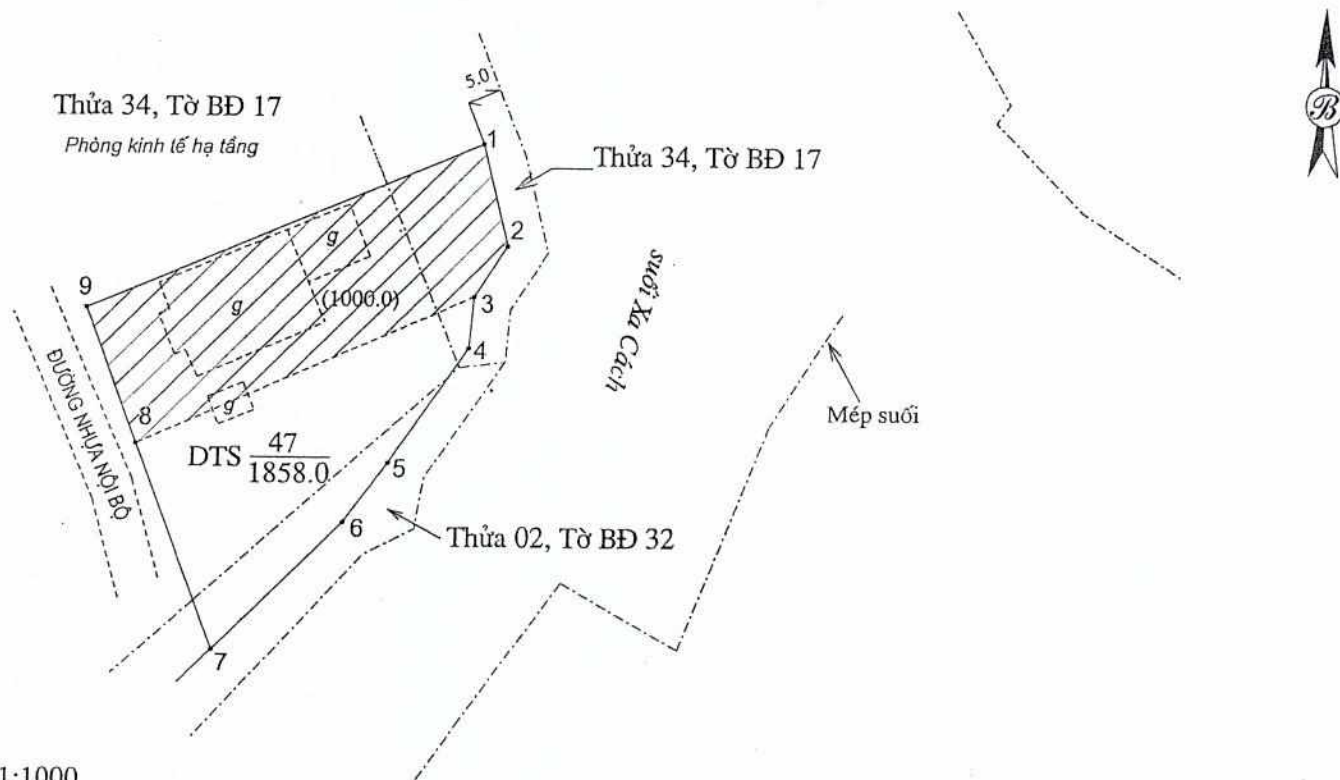



Nguyễn Thanh Ngọc

BẢN TRÍCH ĐO CHÍNH LÝ BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

- Tên tổ chức đề nghị trích đo chính lý: **CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU**
- Địa chỉ: Khu phố 1, Thị trấn Dương Minh Châu, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh
- Mục đích trích đo chính lý: Xin giao đất và Cấp GCN QSDĐ
- Mục đích sử dụng đất theo hiện trạng (hoặc theo giấy tờ pháp lý): Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp (DTS)
- Mục đích sử dụng đất xin lập thủ tục: Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp (DTS)
- Diện tích: 1858.0 m²
- Trích đo chính lý từ các thửa: 32,34 Tờ bản đồ số: 17 và thửa 02 Tờ bản đồ số: 32 ;Thửa đất mới số: 47 Tờ bản đồ số: 32
- Các thay đổi của thửa đất so với giấy tờ pháp lý về QSD Đất:
- Khu vực đất: Khu phố 1, Thị trấn Dương Minh Châu, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh

* Sơ đồ được chỉnh sửa theo Biên bản thẩm định ngày 18/01/2016 của Chi cục Quản lý đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh



Tỷ lệ 1:1000



Phần DT đã được cấp GCN quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước số T39007007005005/107/GCN-DTHA-DMC do Sở Tài chính cấp ngày 24/12/2003

Thông tin biến động	STT thửa đất	Tờ bản đồ	ML Đất	Chủ sdd theo hiện trạng	DT thửa đất đã được chỉnh lý
Thửa đất tách	32	17	BHK	CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ HUYỆN DMC	233.0 m ²
	34	17	DTS		1430.7 m ²
	02	32	DTS		194.3 m ²
Thửa đất mới sau chỉnh lý	47	32	DTS	CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ HUYỆN DMC	1858.0 m ²

Ghi chú:

----- Ranh BDDC

----- Ranh th.đất theo hiện trạng

- Bản đồ này không thay thế GCN QSDĐ. QSHN và TSKGL với đất

(Kèm theo Quyết định số:...../QĐ-UBND ngày...../..... của UBND tỉnh Tây Ninh)

Ngày 19 tháng 01 năm 2016
Văn phòng ĐKDD tỉnh Tây Ninh
P. Giám đốc

Ngày 21 tháng 01 năm 2016
UBND TT. DMC
(Ký xác nhận đo vẽ phù hợp hiện trạng)

Ngày 27 tháng 01 năm 2016
Chi cục Quản lý đất đai
Chi cục trưởng

Ngày 01 tháng 02 năm 2016
Sở Tài nguyên và Môi trường
Giám đốc



Hoàng Văn Chiến



Lê Thành Chung



Biện Hoàn Vũ



Nguyễn Đình Xuân

Tọa độ và chiều dài cạnh thửa

Số hiệu đỉnh thửa	Tọa độ VN-2000		Chiều dài (m)
	X	Y	
1	1259041.38	579639.00	13.61
2	1259028.22	579642.48	7.92
3	1259021.58	579638.16	6.77
4	1259014.83	579637.61	18.27
5	1258999.75	579627.29	9.70
6	1258991.92	579621.56	23.93
7	1258975.03	579604.61	28.96
8	1259002.05	579594.18	19.04
9	1259019.81	579587.32	56.00
1	1259041.38	579639.00	